

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THÉ
VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 18
Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty thiết bị kỹ thuật điện.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010300903 ngày 28 tháng 09 năm 2005, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư, thiết bị điện, điện tử, thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường).

Trụ sở chính của Công ty tại số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tôn Long Ngà	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Hà	Thành viên
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Đoàn Thế Dũng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tôn Long Ngà	Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Thành	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Chính	Phó Giám đốc
Ông Đồng Văn Thìn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Hà Anh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thược	Thành viên

Bà Lê Văn Anh

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Tôn Long Ngà

Số : ... /2010/BC.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội được lập ngày 22/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Trần Thu Loan
Chứng chỉ KTV số: 0921/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.111.345.507	44.186.508.055
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		5.565.807.904	6.463.740.363
111	1. Tiền	03	5.565.807.904	6.463.740.363
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.364.312.626	10.650.761.877
131	1. Phải thu khách hàng		12.752.303.468	11.161.770.927
132	2. Trả trước cho người bán		32.158.540	333.140.750
135	3. Các khoản phải thu khác		26.074.800	12.464.800
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.446.224.182)	(856.614.600)
140	IV. Hàng tồn kho	04	19.550.902.513	23.700.816.013
141	1. Hàng tồn kho		19.550.902.513	23.700.816.013
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.630.322.464	3.371.189.802
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		246.941.240	399.033.217
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		994.138.724	956.422.218
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		389.242.500	2.015.734.367
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.415.413.566	18.078.320.058
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		19.961.833.161	17.706.202.179
221	1. Tài sản cố định hữu hình	05	19.961.833.161	17.686.202.179
222	- Nguyên giá		33.736.945.322	29.847.279.144
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.775.112.161)	(12.161.076.965)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		16.274.000	16.274.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.274.000)	(16.274.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	20.000.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		453.580.405	372.117.879
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	06	453.580.405	372.117.879
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.526.759.073	62.264.828.113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.624.867.356	26.054.342.651
310	I. Nợ ngắn hạn		19.618.481.362	26.018.297.557
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	07	7.426.252.005	10.184.112.110
312	2. Phải trả người bán		4.596.803.004	6.079.179.116
313	3. Người mua trả tiền trước		1.478.165.520	2.142.127.242
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	08	543.772.543	47.628.189
315	5. Phải trả người lao động		3.007.618.290	3.292.495.874
316	6. Chi phí phải trả	09	165.870.000	26.753.796
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	2.400.000.000	4.246.001.230
330	II. Nợ dài hạn		6.385.994	36.045.094
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		6.385.994	36.045.094
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.901.891.717	36.210.485.462
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	38.742.607.215	36.189.118.056
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.267.775.000	3.267.775.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.583.775.960	1.583.775.960
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.891.056.255	1.337.567.096
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		159.284.502	21.367.406
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		159.284.502	21.367.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.526.759.073	62.264.828.113

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Văn Anh

Nguyễn Thị Lý

Tôn Long Ngà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	78.731.871.143	99.316.319.613
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.731.871.143	99.316.319.613
11	4. Giá vốn hàng bán	13	68.444.512.470	89.542.601.673
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.287.358.673	9.773.717.940
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	98.509.010	264.905.045
22	7. Chi phí tài chính	15	791.201.748	570.652.590
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		767.092.598	570.652.590
24	8. Chi phí bán hàng	16	446.993.696	534.448.682
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	3.494.780.454	2.932.523.359
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.652.891.785	6.000.998.354
31	11. Thu nhập khác		63.000.000	-
32	12. Chi phí khác		94.815.788	268.451.337
40	13. Lợi nhuận khác		(31.815.788)	(268.451.337)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.621.075.997	5.732.547.017
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	530.019.742	724.266.688
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.091.056.255	5.008.280.329
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	19	1.697	1.669

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Văn Anh

Nguyễn Thị Lý

Tôn Long Ngà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		63.125.168.649	106.778.315.955
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(49.081.929.928)	(95.116.143.809)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.442.411.212)	(5.833.789.100)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(627.976.394)	(398.508.238)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(38.266.688)	(970.248.130)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.088.615.135	6.982.282.378
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.591.008.026)	(6.553.803.335)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.432.191.536	4.888.105.721
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.736.922.900)	(4.932.301.826)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		66.150.000	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			3.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		98.509.010	264.905.045
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.572.263.890)	(1.167.396.781)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.133.847.555	3.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.891.707.660)	(2.913.616.801)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(3.960.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.757.860.105)	(3.373.616.801)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(897.932.459)	347.092.139
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.463.740.363	6.116.648.224
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		5.565.807.904	6.463.740.363

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Văn Anh

Nguyễn Thị Lý

Tôn Long Ngà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *Năm 2009*

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HDQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty thiết bị kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư, thiết bị điện, điện tử, thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

03 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	373.029.355	1.541.275.728
Tiền gửi ngân hàng	5.192.778.549	4.922.464.635
Cộng	5.565.807.904	6.463.740.363

04 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.476.275.775	16.307.316.966
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.070.551.568	3.946.280.970
Thành phẩm	4.004.075.170	3.447.218.077
Cộng	19.550.902.513	23.700.816.013

05 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa , vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I - Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu năm	13.009.422.323	14.279.226.392	1.347.685.581	1.210.944.848		29.847.279.144
2. Số tăng trong kỳ	56.283.010	3.511.150.751	898.562.750	-		4.465.996.511
- Mua trong kỳ	56.283.010	3.511.150.751	898.562.750	-		4.465.996.511
3. Số giảm trong kỳ	-	371.330.333	150.000.000	55.000.000		576.330.333
- Thanh lý, nhượng bán		371.330.333	150.000.000	55.000.000		576.330.333
4. Số dư cuối kỳ	13.065.705.333	17.419.046.810	2.096.248.331	1.155.944.848		33.736.945.322
II - Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	5.048.167.936	5.502.809.932	730.621.665	879.477.432		12.161.076.965
2. Số tăng trong kỳ	529.164.324	1.291.519.158	163.470.636	111.395.623		2.095.549.741
- Khấu hao trong kỳ	529.164.324	1.291.519.158	163.470.636	111.395.623		2.095.549.741
3. Giảm trong kỳ	-	352.018.295	74.496.250	55.000.000		481.514.545
- Thanh lý		352.018.295	74.496.250	55.000.000		481.514.545
4. Số dư cuối kỳ	5.577.332.260	6.442.310.795	819.596.051	935.873.055		13.775.112.161
III - Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	7.961.254.387	8.776.416.460	617.063.916	331.467.416		17.686.202.179
2 Tại ngày cuối kỳ	7.488.373.073	10.976.736.015	1.276.652.280	220.071.793		19.961.833.161

06 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	306.580.405	372.117.879
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	147.000.000	-
Cộng	453.580.405	372.117.879

07 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	7.426.252.005	10.184.112.110
	7.426.252.005	10.184.112.110

Các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay / tháng	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm khoản vay
001/2009/HĐVV	Tổng Công ty	0,60%	12 tháng	1.620.000.000	1.620.000.000	Tín chấp
003/2009/HĐVV	Tổng Công ty	0,60%	12 tháng	4.050.000.000	4.050.000.000	Tín chấp
HĐ vay ngày 10/6/08	Vay ông Thiết	0,75%	12 tháng	500.000.000	500.000.000	Tín chấp
HĐ vay ngày 08/09/08	Vay ông Thiết	0,75%	12 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	Tín chấp
HĐ vay ngày 17/10/07	Vay ông Quý -Hưu trí	0,75%	6 tháng	37.000.000	37.000.000	Tín chấp
01-2008/VBSĐ HĐTD	NH CT Hoàn Kiếm	0,9%	8 tháng	219.252.005	219.252.005	Chứng từ
				7.426.252.005	7.426.252.005	

08 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	529.929.743	38.176.689
Các loại thuế khác	13.842.800	9.451.500
	543.772.543	47.628.189

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

09 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải trả về lãi vay	165.870.000	26.753.796
	165.870.000	26.753.796

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	-	15.301.230

Bảo hiểm xã hội	-	450.000
Phải trả về cổ phần hoá	-	180.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.400.000.000	4.050.000.000
- Tổng Công ty nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm (*)		4.050.000.000
- Cổ tức phải trả	2.400.000.000	
	2.400.000.000	4.246.001.230

(*) Do năm 2009, Công ty chưa thực hiện tăng vốn nên Tổng Công ty chấp nhận cho chuyển thành khoản vay ngắn hạn (thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2009)

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

xem Phụ lục 01 trang 19

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	13.500.000.000	45%	13.500.000.000	45%
Vốn góp của các đối tượng khác	16.500.000.000	55%	16.500.000.000	55%
- Do pháp nhân nắm giữ	-	-	-	-
- Do thể nhân nắm giữ	16.500.000.000	55%	16.500.000.000	55%
	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm 2007	-	3.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm 2008	-	3.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm 2009 (*)	2.400.000.000	-

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Biện thể và Vật liệu điện Hà Nội số 16/CTBT/NQ-HĐQT ngày 29/09/2009, Công ty tạm chia cổ tức 8 tháng đầu năm 2009 với tỷ lệ 8%

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng	77.971.387.876	98.995.008.157
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	18.800.000	27.800.000
- <i>Doanh thu bán các thành phẩm</i>	77.952.587.876	98.967.208.157
Doanh thu cung cấp dịch vụ	760.483.267	321.311.456
	78.731.871.143	99.316.319.613

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hóa	18.785.160	27.800.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	68.425.727.310	89.514.801.673
	68.444.512.470	89.542.601.673

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.509.010	264.905.045
	98.509.010	264.905.045

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	767.092.598	570.652.590
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.919.195	-
Chi phí tài chính khác	5.189.955	-
	791.201.748	570.652.590

16 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.200.000
Chi phí nhân công	197.195.313	219.888.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.931.524	37.240.908
Chi phí khác bằng tiền	218.866.859	276.119.174
	446.993.696	534.448.682

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.201.165	369.514.937
Chi phí nhân công	1.735.801.626	1.939.615.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.376.666	225.395.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.885.691	168.463.901
Chi phí khác bằng tiền	1.453.515.306	229.533.042

	3.494.780.454	2.932.523.359
18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	530.019.742	724.266.688
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	530.019.742	724.266.688

Xác định chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.621.075.997	5.732.547.017
Thuế suất thuế TNDN	25%	28%
Chi phí thuế TN hiện hành trước ưu đãi thuế TNDN	1.405.268.999	1.605.113.165
Điều chỉnh:		
<i>Giảm 50% thuế TNDN TN từ KD máy biến áp</i>	616.365.312	722.320.505
<i>Giảm 50% thuế TNDN TN từ đầu tư chiều sâu TSCĐ</i>	31.732.627	40.966.225
<i>Giảm 30% thuế TNDN theo TT 03/2009/TT-BTC (13/01/2009)</i>	227.151.318	117.559.747
Chi phí thuế TNDN hiện hành	530.019.742	724.266.688

Thuyết minh, ưu đãi thuế năm 2009 của đơn vị gồm:

1. Theo hướng dẫn tại Công văn số 121165 /CT/HTr ngày 01/09/2006 của Cục thuế TP Hà Nội, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được xác định như sau:

- Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian còn lại của các hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của 2 công ty được hợp nhất.

- Tuy nhiên, Công ty chưa thể tách riêng được doanh thu, chi phí của sản phẩm máy biến áp được miễn thuế TNDN, nên thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động kinh doanh được miễn, giảm thuế TNDN được xác định:

$$\begin{matrix} \text{Thu nhập chịu thuế TNDN của} & \text{Tổng thu} & \text{Tỷ lệ \% của hoạt động kinh} \\ \text{hoạt động kinh doanh được miễn,} & \text{nhập chịu} & \text{doanh được miễn giảm thuế so} \\ \text{giảm thuế TNDN được xác định:} & \text{thuế} & \text{với tổng doanh thu} \end{matrix}$$

Miễn 2 năm đầu và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo thuế TNDN phải nộp đối với lợi nhuận thu được từ Máy biến áp (kể từ năm 2005) :

Doanh thu Máy biến áp	69.065.202.931	87,72%
Tổng doanh thu năm 2009	78.731.871.143	
Lợi nhuận được giảm 50% trong năm 2009	4.930.922.494	(87,72% x lợi nhuận trước thuế)
Thuế TNDN được giảm	616.365.312	(=4.930.922.494 x 25% x 50%)

2. Được miễn thuế đối với lợi nhuận từ việc đầu tư chiều sâu Hệ thống làm thu lồi van TSCĐ: Miễn thuế TNDN năm đầu từ năm 2007, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (kể từ năm 2007)

Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới năm 2007	1.524.374.800	4,52%
Tổng TSCĐ tại ngày 31/12/2009	33.753.219.322	
Lợi nhuận được giảm 50% trong năm 2009	253.861.017	(4,52% x lợi nhuận trước thuế)
Thuế TNDN được giảm	31.732.627	

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.091.056.255	5.008.280.329
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.091.056.255	5.008.280.329
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.697,02	1.669,43

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.775.940.019	73.411.942.032
Chi phí nhân công	5.672.595.535	8.459.081.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.987.806.243	1.564.335.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.567.188	488.734.460
Chi phí khác bằng tiền	1.667.960.978	3.195.045.040
	66.594.869.963	87.119.138.285

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng Công ty VLD Việt Nam	Nhà đầu tư		
Vay ngắn hạn			
- Vay ngắn hạn		4.050.000.000	2.000.000.000
- Trả nợ vay		6.833.899.000	-
Lãi vay ngắn hạn			
- Lãi vay phải trả		603.658.004	434.778.604
- Lãi vay đã trả		652.399.910	1.905.796.580
Cổ tức			
- Cổ tức phải trả Tổng Công ty		1.080.000.000	1.620.000.000
- Cổ tức đã thanh toán		-	1.620.000.000
Tổng Công ty nộp tiền (góp vốn)		-	4.050.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009 như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2009 VND	1/1/2009 VND
Tổng Công ty	Nhà đầu tư		
- Vay ngắn hạn Tổng Công ty		5.670.000.000	8.453.899.000
- Lãi vay ngắn hạn		144.471.204	193.213.110
- Phải trả khác (Tổng Công ty nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm)		-	4.050.000.000
		5.814.471.204	12.697.112.110

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Giám đốc

Lê Văn Anh

Nguyễn Thị Lý

Tôn Long Ngà

Phụ lục 01- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	3.267.775.000	3.530.403.074	1.583.775.960	38.381.954.034
Lãi trong năm trước	-	-	5.008.280.329	-	-
Giảm khác	-	-	7.201.116.307	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	3.267.775.000	1.337.567.096	1.583.775.960	36.189.118.056
Lãi trong năm nay	-	-	5.091.056.255	-	5.091.056.255
Tăng khác	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	3.537.567.096	-	3.537.567.096
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	3.267.775.000	2.891.056.255	2.583.775.960	38.742.607.215